

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Hưng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11 tháng 08 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2009)
Ông Vũ Trọng Toàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2009)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 08 năm 2009)
Ông Đoàn Văn An	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2009)
Ông Bùi Vạn Thuận	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2009)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2009)
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2009)
Ông Vũ Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2009)
Ông Vũ Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2009)
Ông Hồ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2010

Số. /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2010

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01 – DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+150)	100		288.349.283.064	281.477.112.455
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.683.722.341	238.570.211.125
1. Tiền	111		40.683.722.341	20.570.211.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	218.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		233.347.711.966	35.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	237.059.010.070	35.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.711.298.104)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.050.996.836	6.186.540.000
1. Trả trước cho người bán	132		795.230.000	332.721.000
2. Các khoản phải thu khác	135	6	5.255.766.836	5.853.819.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.266.851.921	1.720.361.330
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		320.809.092	160.800.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.859.556.295	1.349.546.030
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.086.486.534	210.015.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		41.888.892.830	41.183.876.293
I. Tài sản cố định	220		9.118.919.012	8.551.551.206
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.965.730.531	2.723.627.871
- Nguyên giá	222		4.082.515.301	4.017.962.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.116.784.770)	(1.294.335.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227		14.624.539	42.291.211
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.375.461)	(40.708.789)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	7.138.563.942	5.785.632.124
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.187.568.599	32.500.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	32.500.000.000	32.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(312.431.401)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		582.405.219	132.325.087
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		582.405.219	132.325.087
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		330.238.175.894	322.660.988.748

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01 – DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.451.210.382	8.878.406.980
I. Nợ ngắn hạn	310		3.435.607.445	8.854.534.168
1. Phải trả người bán	312		251.389.287	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	1.381.248.073	8.038.796.484
3. Phải trả người lao động	315		1.560.541.005	590.690.484
4. Chi phí phải trả	316		107.097.000	145.800.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	135.332.080	79.247.200
II. Nợ dài hạn	330		15.602.937	23.872.812
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.602.937	23.872.812
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	12	326.786.965.512	313.782.581.768
I. Vốn chủ sở hữu	410		325.416.412.777	312.286.102.082
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	292.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.349.318.886	3.136.322.095
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.209.439.141	901.881.761
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.857.654.750	15.747.898.226
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.370.552.735	1.496.479.686
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.370.552.735	1.496.479.686
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		330.238.175.894	322.660.988.748

Nguyễn Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hữu Tùng
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02 – DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	25.269.972.922	35.058.519.979
7. Chi phí tài chính	22		4.131.795.654	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.987.520.543	10.762.900.248
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		7.150.656.725	24.295.619.731
11. Thu nhập khác	31		584.745.675	500.000
12. Chi phí khác	32		8.329.862	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		576.415.813	500.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.727.072.538	24.296.119.731
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	1.354.862.694	6.187.336.909
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.372.209.844	18.108.782.822
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		217	619

Nguyễn Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hữu Tùng
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03 - DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.727.072.538	24.296.119.731
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	850.116.376	804.755.491
- Các khoản dự phòng	03	4.023.729.505	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.449.508.690)	(35.058.519.979)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.848.590.271)	(9.957.644.757)
- Giảm các khoản phải thu	09	1.900.894.164	3.589.078.527
- (Giảm) các khoản phải trả	11	(2.680.238.876)	(6.779.369.664)
- Tăng chi phí trả trước	12	(610.089.224)	(289.391.487)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.924.333.193)	-
- Tiền chi, thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	(134.196.826)	(818.283.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.296.554.226)	(14.255.610.381)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.434.666.342)	(5.088.853.992)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(202.059.010.070)	69.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.169.092.854	29.204.700.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(183.324.583.558)	93.115.846.987
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.734.649.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.734.649.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	(197.886.488.784)	78.860.236.606
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	238.570.211.125	159.709.974.519
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm (50+60)	70	40.683.722.341	238.570.211.125

Nguyễn Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hữu Tùng
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 17/11/2006, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27/11/2007. Ngày 17/03/2008, Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai.

Các cổ đông của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 5 ngày 9 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

	<u>% vốn điều lệ</u>
• Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14,44%
• Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	10%
• Công ty Đầu tư & Thương mại hệ thống quốc tế	10%
• Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí toàn cầu	10%
• Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	35,65%
• Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí	10%
• Các cổ đông khác	9,91%

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng, được chia thành 30.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 56 (tại 31 tháng 12 năm 2008: 55 người).

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh bán hàng trong siêu thị;
- Kinh doanh bán hàng tổng hợp;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh sân golf;
- Kinh doanh cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh tổ chức các hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc và các hoạt động nghệ thuật khác;
- Kinh doanh tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa;
- Kinh doanh các hoạt động thể thao (bơi lội, bóng đá, tennis, đua thuyền, nhảy dù, leo núi, trường đua ô tô, mô tô, đua ngựa, đua chó);
- Kinh doanh vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khai thác dầu khí (trừ điều tra thăm dò);
- Sản xuất, phân phối điện;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	243.127.469	33.304.772
Tiền gửi ngân hàng	20.440.594.872	20.536.906.353
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	218.000.000.000
	40.683.722.341	238.570.211.125

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	216.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	21.059.010.070	-
	237.059.010.070	35.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu với giá trị 15 tỷ đồng, thời hạn 24 tháng kể từ ngày 4/11/2009, 6 tháng trả lãi một lần. Lãi suất kỳ đầu từ 4/11/2009 đến 4/5/2010 là 9,8%/năm, kỳ sau sẽ thỏa thuận lại lãi suất;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc tế Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng với số tiền tương ứng là 21 tỷ và 14 tỷ, cùng có thời hạn 6 tháng kể từ ngày 25/11/2009 và 6/10/2009. Lãi suất cố định lần lượt là 9,8%/năm và 9,6%/năm, lãi trả cuối kỳ;
- Tiền gửi tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí bao gồm 4 hợp đồng với tổng giá trị là 63 tỷ, có thời hạn 12 tháng và đáo hạn trong năm 2010. Lãi suất định kỳ từ 3 đến 6 tháng thay đổi một lần, lãi trả cuối kỳ;
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội với số tiền là 30 tỷ đồng, thời hạn 6 tháng từ ngày 6/11/2009, lãi suất cố định là 9,5%/năm, lãi trả cuối kỳ;
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đại Dương bao gồm 2 hợp đồng với số tiền lần lượt là 21 tỷ và 12 tỷ, cùng có thời hạn 12 tháng bắt đầu từ ngày 10/11/2009 và ngày 12/11/2009. Lãi suất kỳ 6 tháng đầu tiên lần lượt là 9,9%/năm và 9,99%/năm, kỳ sau sẽ thỏa thuận lại lãi suất;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ với số tiền là 10 tỷ đồng có thời hạn 6 tháng bắt đầu từ ngày 10/11/2009. Lãi suất cố định là 9,4%/năm, lãi trả cuối kỳ; và
- Tiền gửi tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long với giá trị 30 tỷ, có thời hạn 12 tháng từ ngày 15/12/2009. Lãi suất kỳ 6 tháng đầu tiên là 10,49%/năm, kỳ sau sẽ thỏa thuận lại lãi suất, lãi trả vào cuối kỳ.

6. PHẢI THU KHÁC

Khoản phải thu khác phản ánh lãi phải thu dự tính từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	3.084.976.454	932.986.483	4.017.962.937
Mua trong năm	-	81.734.524	81.734.524
Giảm trong năm	-	17.182.160	17.182.160
Tại ngày 31/12/2009	3.084.976.454	997.538.847	4.082.515.301
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	917.705.341	376.629.725	1.294.335.066
Khấu hao trong năm	518.656.680	312.645.322	831.302.002
Giảm trong kỳ	-	8.852.298	8.852.298
Tại ngày 31/12/2009	1.436.362.021	680.422.749	2.116.784.770
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	2.167.271.113	556.356.758	2.723.627.871
Tại ngày 31/12/2009	1.648.614.433	317.116.098	1.965.730.531

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2009 VND	2008 VND
Số dư tại ngày 1/1	5.785.632.124	2.094.950.273
Tăng trong kỳ	1.352.931.818	3.690.681.851
Kết chuyển sang TSCĐ	-	-
Số dư tại ngày 31/12	7.138.563.942	5.785.632.124

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dự án khu du lịch Suối Hai đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư của Công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang này chủ yếu là chi phí tư vấn lập qui hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công ...

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Đầu tư và Phát triển PVI (PVI-Invest)	5.500.000.000	5.500.000.000
	32.500.000.000	32.500.000.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.354.832.694	7.917.523.193
Các loại thuế khác	26.415.379	121.273.291
	1.381.248.073	8.038.796.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ	68.025.461	79.247.200
Tiền thu từ cán bộ công nhân viên để góp vốn vào các công ty cổ phần	67.306.619	-
	135.332.080	79.247.200

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2008	292.500.000.000	3.136.322.095	901.881.761	15.747.898.226	1.496.479.686	313.782.581.768
Tăng do góp vốn	7.500.000.000	-	-	-	-	7.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.372.209.844	-	6.372.209.844
Phân phối lợi nhuận	-	1.212.996.791	307.557.380	(2.258.673.320)	738.119.149	-
Chi quỹ	-	-	-	-	(864.046.100)	(864.046.100)
Giảm khác	-	-	-	(3.780.000)	-	(3.780.000)
Số dư tại ngày 31/12/2009	300.000.000.000	4.349.318.886	1.209.439.141	19.857.654.750	1.370.552.735	326.786.965.512

Trong năm, Công ty đã trích các quỹ từ lợi nhuận của năm 2008 theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 17/11/2006, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 9/12/2009, Công ty có tổng cộng 30.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó có 85% cổ phần là cổ đông sáng lập, 15% là cổ phần chào bán. Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông tại ngày 31/12/2009 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn thực góp tại ngày 31/12/2009	
	VND	(%)	VND	(%)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	43.312.000.000	14,44%	43.312.000.000	14,44%
TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN	30.000.000.000	10,00%	30.000.000.000	10,00%
Công ty ĐT&TM hệ thống quốc tế	30.000.000.000	10,00%	20.000.000.000	6,67%
NHTMCP Dầu khí toàn cầu	30.000.000.000	10,00%	30.000.000.000	10,00%
TCT CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí	30.000.000.000	10,00%	30.000.000.000	10,00%
TCT CP Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	106.944.000.000	35,65%	106.944.000.000	35,65%
Knowledge Vietnam Fund No.1	-	0,00%	10.000.000.000	3,33%
Cổ đông khác	29.744.000.000	9,91%	29.744.000.000	9,91%
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.216.728.968	25.788.943.968
Lãi từ hoạt động ủy thác quản lý vốn	5.787.912.445	8.778.520.887
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	1.727.464.232	-
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.444.867.277	491.055.124
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.000.000	-
	25.269.972.922	35.058.519.979

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.727.072.538	24.296.119.731
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	93.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	108.000.000	108.000.000
Thu nhập chịu thuế	7.742.072.538	24.404.119.731
Thuế suất thông thường	25%	28%
Thuế TNDN được giảm quý IV/2008	-	645.816.616
Thuế TNDN được giảm năm 2009	580.655.441	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.354.862.694	6.187.336.909

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, Công ty đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của năm 2009 dựa trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo qui định trên là 580.655.440 đồng.

15. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2009, công ty có các khoản cam kết thuê đồng thuê văn phòng với thời hạn và giá trị cam kết như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.110.906.720	1.024.186.169
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	833.180.040	43.407.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Cam kết vốn

Ngày 18/12/2009, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 556/NQ-PVR về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án tại Hà Nội và Quảng Ninh, cụ thể như sau:

- Dự án xây dựng chung cư để bán tại khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội: Ngày 11/12/2009, Công ty đã ký hợp đồng liên danh với Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP về việc tham gia đấu thầu và thực hiện đầu tư Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ công cộng CT15 – Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội. Công ty được ủy quyền làm đại diện liên danh, chịu trách nhiệm trước bên mời thầu về mọi công việc, mọi giao dịch có liên quan đến việc thực hiện gói thầu. Dự kiến tổng mức đầu tư toàn dự án là 560.727 tỷ đồng và Công ty cam kết góp 20% vốn của dự án, tương đương 112.145 tỷ đồng trong đó vốn tự có là 30% và 70% là vốn vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Ngày 30/12/2009, Sở Tài chính Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6696/QĐ-STC về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà chung cư lô đất CT15 khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội với diện tích 8.847 m² cho liên danh các công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí (PVR), Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP.
- Dự án Trung tâm thương mại tài chính, văn phòng và khách sạn thuộc Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 496,7 tỷ đồng. Ngày 29/01/2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 281/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 tổ hợp Trung tâm thương mại, tài chính, văn phòng và khách sạn tại phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long.

16. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập từ đầu tư tài chính

	2009	2008
	VND	VND
Thu nhập từ đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	5.787.912.445	8.778.520.887
Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí toàn cầu	2.006.355.426	5.165.568.888

Các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2009 như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí toàn cầu	15.000.000.000	25.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	93.000.000.000	75.000.000.000
	2009	2008
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.384.039.445	1.132.926.269

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm 2008 đã được điều chỉnh và phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.